

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 01 - 2019

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tư.

Ông Huỳnh Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp BT, xã TB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Bà **Lê Thị Bé S**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp BT, xã TB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

(ông L có mặt; bà S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh L trình bày: Ông và bà Lê Thị Bé S chung sống với nhau vào năm 1983 tại ấp BT, xã TB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan điểm sống, nên vào năm 2003 ông và bà S đã sống ly thân

luôn cho đến nay. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, ông yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Bé S.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/2/1986 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/5/1992, hiện nay hai con chung đã trưởng thành và lao động nuôi sống bản thân được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 10/01/2019 của bị đơn là bà Lê Thị Bé S trình bày: Bà S và ông L chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1983 tại ấp BT, xã TB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn và ông bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, ông L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/2/1986 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/5/1992. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành và lao động nuôi sống bản thân được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bà Lê Thị Bé S là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà S.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị Bé S đều trình bày thống nhất cùng chung sống với nhau từ năm 1983 đến nay không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, ông bà có con chung là anh Nguyễn Thanh D - sinh ngày 19/2/1986. Do đó, có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị Bé S xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân hợp pháp, được quy định tại mục a điểm 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 Về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông L và bà S bất đồng với nhau về quan điểm sống và đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay. Tại bản tự khai ngày 10/01/2019 bà S thừa nhận không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên nay ông L có đơn xin ly hôn bà S đồng ý ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông L và bà S.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/2/1986 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/5/1992. Hiện hai con chung đã trưởng thành và lao động tự nuôi sống bản thân được, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung : Không có.

[5] Về án phí: Ông L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ mục a điểm 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 Về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh L với bà Lê Thị Bé S.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/2/1986 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/5/1992. Hiện hai con chung đã trưởng thành và lao động tự nuôi sống bản thân được.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 16290 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, như vậy ông L đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Phan Minh Trâm